

Số: 5478250

|                                                | PEUGEOT 408 LEGEND EDITION GT | PEUGEOT 3008 PREMIUM ALL-NEW |
|------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 1.289.000.000đ                | 1.279.000.000đ               |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                               |                              |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4687 x 1850 x 1510            |                              |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2787                          |                              |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 189                           |                              |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1500                          |                              |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1950                          |                              |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 536                           |                              |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 52                            |                              |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                             |                              |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước              |                              |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                               |                              |
| Loại động cơ                                   | 1,6T PureTech                 |                              |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1598                          |                              |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 218 / 5500                    |                              |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 300 / 2000                    |                              |
| Hộp số                                         | 8AT                           |                              |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)               |                              |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson            |                              |
| Hệ thống treo sau                              | Bán Độc Lập                   |                              |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                           |                              |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                           |                              |
| Thông số lốp xe                                | 245/40 R20                    |                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 10.09                         |                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.64                          |                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 7.93                          |                              |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                             |                              |
| Chế độ lái                                     | Eco/Normal/Sport              |                              |
| Chế độ địa hình                                | -                             |                              |
| NGOẠI THẤT:                                    |                               |                              |
| Cụm đèn trước                                  | Matrix LED                    |                              |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                             |                              |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | ● (Phân vùng ánh sáng)        |                              |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                             |                              |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                             |                              |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                             |                              |
| Đèn sương mù                                   | -                             |                              |
| Cụm đèn sau                                    | Nhận diện phiên bản GT        |                              |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                             |                              |
| Gạt mưa tự động                                | ●                             |                              |
| Cửa sổ trời                                    | ●                             |                              |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                          |                               |                              |

|                                      |                   |
|--------------------------------------|-------------------|
| Vô lăng bọc da                       | ● (Phong cách GT) |
| Chất liệu ghế                        | Da Nappa          |
| Ghế người lái chỉnh cơ               | -                 |
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●                 |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | ●                 |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ   | -                 |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ●                 |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | -                 |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | ●                 |
| Hàng ghế trước có tính năng massage  | ●                 |
| Tính năng cửa hít                    | -                 |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                 |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | Digital 10        |
| Màn hình HUD                         | -                 |
| Màn hình giải trí trung tâm          | Digital 10        |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ●                 |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●                 |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 2                 |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | ●                 |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                 |
| Khởi động nút bấm                    | ●                 |
| Khởi động từ xa                      | -                 |
| Hệ thống âm thanh                    | 10 loa Focal      |
| Lấy chuyển số                        | ●                 |
| Sạc không dây Qi                     | ●                 |
| Phanh đỗ điện tử                     | ●                 |
| Giữ phanh tự động Autohold           | -                 |
| Đèn trang trí nội thất               | ●                 |
| Rèm che nắng                         | -                 |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                 |

#### **AN TOÀN:**

|                                                 |             |
|-------------------------------------------------|-------------|
| Số túi khí                                      | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●           |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●           |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●           |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●           |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●           |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●           |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | ●           |

- Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng ●
- Hệ thống cảnh báo áp suất lốp ●
- Camera lùi ● (360)